**Phụ lục 1**

**PHÂN BỔ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THỰC HIỆN DỰ ÁN 1**

**GIẢI QUYẾT TÌNH TRẠNG THIẾU ĐẤT Ở, NHÀ Ở,**

**ĐẤT SẢN XUẤT, NƯỚC SINH HOẠT**

*(Kèm theo Nghị quyết số /2022/NĐ-HĐND ngày / /2022*

*của Hội đồng nhân dân tỉnh Kon Tum)*

**1. Phân bổ vốn đầu tư**

a) Phân bổ vốn cho sở, ban, ngành: Không.

b) Phân bổ vốn cho các địa phương: Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tiêu chí** | **Số điểm** | **Số lượng** | **Tổng số điểm** |
| 1 | Cứ 1 hộ được hỗ trợ đất ở | 0,4 | a | 0,4 x a |
| 2 | Cứ 1 hộ được hỗ trợ nhà ở | 0,4 | b | 0,4 x b |
| 3 | Cứ 1 hộ được hỗ trợ đất sản xuất | 0,225 | c | 0,225 x c |
| 4 | Cứ 1 công trình nước sinh hoạt tập trung có quy mô đầu tư đến 3 tỷ đồng thì được tính 30 điểm, cứ tăng (+) hoặc giảm (-) 100 triệu đồng thì cộng (+) hoặc trừ (-) 01 điểm | 30 | d | 30 x d |
|  | **Tổng cộng** |  |  | **Xk,i** |

Số lượng (a, b, c, d) trên cơ sở thực trạng, nhu cầu cần hỗ trợ thực tế của các địa phương tổng hợp trong Đề án được Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt và Báo cáo nghiên cứu khả thi của Chương trình.

**2. Phân bổ vốn sự nghiệp**

a) Phân bổ vốn cho sở, ban, ngành: Không.

b) Phân bổ vốn cho các địa phương:Áp dụng phương pháp tính điểm theo các tiêu chí như sau:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung tiêu chí** | **Số điểm** | **Số lượng** | **Tổng số điểm** |
| 1 | Cứ 1 hộ được hỗ trợ chuyển đổi nghề | 0,1 | a | 0,1 x a |
| 2 | Cứ 1 hộ được hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán | 0,03 | b | 0,03 x b |
|  | **Tổng cộng** |  |  | **Xk,i** |

Số lượng (a, b) trên cơ sở thực trạng, nhu cầu cần hỗ trợ thực tế của các địa phương tổng hợp trong Đề án được Uỷ ban nhân dân tỉnh phê duyệt và Báo cáo nghiên cứu khả thi của Chương trình.